

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CÙ LAO DUNG  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2023/HNGĐ-ST

Ngày 17-01-2023

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phan Thị Ngoan.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Phan Văn Hùng.

Bà Lê Thị Ánh Tuyết.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Tô Văn Thừa – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Ông Đỗ Minh Hiền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 66/2022/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Trần Thị Chung E. Sinh năm 1982; nơi cư trú: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

**- Bị đơn:** Anh Mai Thanh H, sinh năm 1980; cư trú tại: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 13 tháng 4 năm 2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị Chung E trình bày:

Về hôn nhân: Chị Chung E và anh Mai Thanh H tự nguyện chung sống và tổ chức lễ cưới vào tháng 12/1999, đến ngày 15/6/2011 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống

hạnh phúc, đến tháng 3 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng ý kiến, nên không còn hạnh phúc. Chị Chung E và anh H sống ly thân từ tháng 3 năm 2021 cho đến nay. Về hôn nhân: Chị Chung E yêu cầu ly hôn với anh H; về con chung: trong thời gian chung sống chị Chung E và anh H có ba con chung tên Mai Thị Tuyết N, sinh ngày 19/01/2002, Mai Trần Khánh L, sinh ngày 24/7/2015 và Mai Thanh Q, sinh ngày 07/11/2017, hiện nay Tuyết N đã thành niên, không bị bệnh tật gì; Khánh L và Thanh Q đang sống chung với anh H. Chị Chung E yêu cầu giao con chung là Mai Trần Khánh L và Mai Thanh Q cho anh H nuôi dưỡng cho đến khi cháu L và cháu Q thành niên, chị Chung E không cấp dưỡng nuôi con chung; cháu Tuyết N đã thành niên nên chị Chung E không yêu cầu Tòa án giải quyết; về tài sản chung: trong thời gian chung sống chị Chung E và anh H có tài sản chung, nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: trong thời gian chung sống chị Chung E và anh H không có nợ chung, chị Chung E không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 30/12/2022 bị đơn anh Mai Thanh H trình bày: Anh H thống nhất với phần trình bày của chị Chung E về hôn nhân, về con chung, về tài sản chung và nợ chung. Về hôn nhân: Anh H đồng ý ly hôn với chị Chung E; về con chung: con chung Mai Thị Tuyết N, sinh ngày 19/01/2002 đã thành niên, không có bệnh tật gì, anh H không có ý kiến gì; hai con chung là Mai Trần Khánh L, sinh ngày 24/7/2015 và Mai Thanh Q, sinh ngày 07/11/2017 hiện đang sống cùng với anh H, anh H đồng ý nuôi dưỡng con chung là cháu L và cháu Q cho đến khi thành niên, không yêu cầu chị Chung E cấp dưỡng; về tài sản chung và nợ chung: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án: kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Riêng đối với bị đơn chưa thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, về hôn nhân: xử cho chị Chung E ly hôn với anh H; về con chung: giao hai con chung là Mai Trần Khánh L, sinh ngày 24/7/2015 và Mai Thanh Q, sinh ngày 07/11/2017 cho anh H nuôi dưỡng đến khi thành niên; con chung Mai Thị Tuyết N đã thành niên, chị Chung E và anh H không yêu cầu, nên đề nghị không xem xét; tài sản chung và nợ chung: Chị Chung E và anh H không yêu cầu, đề nghị không xem xét; buộc nguyên đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết vụ án: bị đơn cư trú tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng theo khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự

[2] Quan hệ tranh chấp: nguyên đơn chị Trần Thị Chung E yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi dưỡng con chung, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự: nguyên đơn chị Trần Thị Chung E và bị đơn anh Mai Thanh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm mà vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[4] Xét yêu cầu ly hôn của chị Chung E. Chị Chung E và anh H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị có thời gian chung sống hạnh phúc, đến tháng 3 năm 2021 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến trong cuộc sống, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn sâu đậm. Chị Chung E và anh H không chung sống cùng nhau từ tháng 3 năm 2021 cho đến nay. Từ đó đến nay, anh chị không có liên hệ để hàn gắn tình cảm nhằm đoàn tụ xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc. Xét hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên yêu cầu ly hôn của chị Chung E được chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về yêu cầu của chị Chung E đối với 03 con chung là Mai Thị Tuyết N, sinh ngày 19/01/2002, Mai Trần Khánh L, sinh ngày 24/7/2015 và Mai Thanh Q, sinh ngày 07/11/2017. Xét cháu N đã thành niên không bị mất năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động để nuôi bản thân, chị Chung E và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét; đối với cháu L và cháu Q từ khi chị Chung E và anh H không chung sống cùng nhau, hai cháu sống chung với anh H cho đến nay, anh H đã chăm sóc, nuôi dưỡng tốt cháu L và cháu Q, cháu L có nguyện vọng được sống chung với cha (anh H), anh H đồng ý nuôi cháu L và cháu Q cho đến khi cháu L và cháu Q thành niên, anh H có công việc, thu nhập ổn định đảm bảo điều kiện nuôi dưỡng con chung. Từ các phân tích

trên, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 và khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình giao cháu Mai Trần Khánh L và Mai Thanh Q cho anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu L và cháu Q thành niên. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con cho chị Chung E không ai được cản trở. Chị Chung E không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con của anh H. Chị Chung E có yêu cầu không cấp dưỡng nuôi con, anh H không yêu cầu chị Chung E cấp dưỡng nuôi con, nên chị Chung E không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Chung E và anh H không yêu cầu giải quyết tài sản chung và nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xét.

[7] Như đã phân tích ở trên đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Án phí dân sự sơ thẩm: Anh H không chịu án phí; chị Chung E phải chịu án phí theo Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 144, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 1 và khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Chung E.

1. Về hôn nhân: cho chị Trần Thị Chung E và anh Mai Thanh H ly hôn.

2. Về con chung: con chung Mai Thị Tuyết N, sinh ngày 19/01/2002 đã thành niên không bị mất năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động để nuôi bản thân, chị Chung E và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét; giao cháu Mai Trần Khánh L, sinh ngày 24/7/2015 và Mai Thanh Q, sinh ngày 07/11/2017 cho anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu L và cháu Q thành niên. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con cho chị Chung E không ai được cản trở. Chị Chung E không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con của chị anh H. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Chung E không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Chung E và anh H không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Anh H không phải chịu án phí; chị Chung E phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân và gia đình, nhưng chị Chung E được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004970 ngày 12 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng, chị Chung E đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND huyện Cù Lao Dung;
- Chi cục THADS huyện Cù Lao Dung;
- TAND tỉnh Sóc Trăng (Phòng.KTNV-THA);
- UBND xã A;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phan Thị Ngoan**